TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoành

2. Ông Lưu Minh Sửu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị H, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn P, xã X (xã Th cũ), huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Xuân G, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn P, xã X (xã Th cũ), huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Lê Đình C - Luật sư, Chi nhánh Công ty Luật TNHH ; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Hà Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thg (nay là xã X), huyện Thọ Xuân vào ngày 01/8/2013. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 4/2019 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, anh G không tin tưởng, tôn trọng chị, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, và tình cảm ngày càng phai nhạt. Đến tháng 9/2019 chị đã sống ly thân, không còn qua lại với anh G. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng và mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Xuân Đ, sinh ngày 18/3/2014 và cháu Lê Xuân M, sinh ngày 02/10/2015. Ly hôn, quan điểm của chị là mỗi người nuôi một con chung; chị xin được trực tiếp nuôi cháu Đ, còn cháu M để anh G nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ tài sản của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 14/01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Xuân G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thg (nay là xã X) vào ngày 01/8/2013; Trong quá trình chung sống thì tình cảm vợ chồng hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng tháng 11/2019 thì tình cảm vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tin tưởng nhau, vợ chồng có cãi vã thì chị H bỏ đi, nên vợ chồng ly thân đến nay. Quan điểm của anh G là mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, còn trường hợp chị H nhất quyết đòi ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh G xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Xuân Đ, sinh ngày 18/3/2014 và cháu Lê Xuân M, sinh ngày 02/10/2015; hiện tại cả hai con đang ở với anh. Quan điểm của anh G là nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh G xin được nuôi cả 02 cháu vì không muốn các cháu phải chia cắt tình cảm anh em; anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 26/5/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã Xuân Lập cho biết: Anh Lê Xuân G và chị Hà Thị H lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thg (nay là xã X), huyện Thọ Xuân vào ngày 01/8/2013. Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Xuân Đ, sinh ngày 18/03/2014 và cháu Lê Xuân M, sinh ngày 02/10/2015; hiện nay cả 02 con chung đang ở với anh G. Trong qúa trình hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 11/2019 thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có gửi đơn xin xét xử vắng mặt và Luận cứ bảo vệ cho nguyên đơn, cụ thể: Đề nghị căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình giải

quyết cho chị Hà Thị H được ly hôn; đề nghị giải quyết cho chị H và anh G mỗi người được nuôi một con chung, trong đó chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đat và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: đề nghị xử cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Lê Xuân G. Về con chung: đề nghị giao cháu Lê Xuân Đ cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Xuân M cho anh Lê Xuân G trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị H và anh G không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: không xem xét. Về án phí: chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết cho xin được ly hôn với anh Lê Xuân G, cư trú tại: Thôn Phú Vinh, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hà Thị H và anh Lê Xuân G tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Thg (nay là xã X), huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/8/2013, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh G là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc mà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình và không tin tưởng nhau. Đến khoảng tháng 11/2019 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng, nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Qúa trình giải quyết vụ án, chị H một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh G có quan điểm

là mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, trường hợp chị H nhất quyết đòi ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án từ sau buổi hòa giải ngày 29/4/2020 anh G không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, điều đó thể hiện anh G không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không Đ được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Lê Xuân G.

[3] Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Lê Xuân G đều xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Xuân Đ, sinh ngày 18/3/2014 và cháu Lê Xuân M, sinh ngày 02/10/2015.

Qúa trình giải quyết vụ án, chị H có quan điểm đề nghị giao cho mỗi người nuôi 01 con chung và chị xin được trực tiếp nuôi cháu Đ; còn anh G có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: 02 con chung của anh chị đều đang ở độ tuổi cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, trong khi cả chị H và anh G đều có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Do đó để đảm bảo quyền được nuôi con của hai bên vợ chồng sau ly hôn và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao cho mỗi người trực tiếp nuôi một cháu, cụ thể: giao cháu Lê Xuân M cho anh Lê Xuân G được trực tiếp nuôi và cháu Lê Xuân Đ cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H và anh G mỗi người đã trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và anh chị đều không có yêu cầu về cấp dưỡng. Do đó, chị H và anh G không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về phần tài sản: Chị Hà Thị H và anh Lê Xuân G đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Lê Xuân G.

2. Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Lê Xuân G có 02 (hai) con chung là cháu Lê Xuân Đ, sinh ngày 18/3/2014 và cháu Lê Xuân M, sinh ngày 02/10/2015.

Giao cháu Lê Xuân Đ cho chị Hà Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Xuân M cho anh Lê Xuân G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Hà Thị H và anh Lê Xuân G không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Hà Thị H và anh Lê Xuân G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004814 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Hà Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến